

KẾT LUẬN THANH TRA

Trách nhiệm phòng, chống tham nhũng việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công về đất đai tại Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Quyết định thanh tra số 96/QĐ-TTr ngày 15/12/2023 của Chánh Thanh tra tỉnh về việc thanh tra trách nhiệm phòng, chống tham nhũng (viết tắt: PCTN) việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức (viết tắt: CB, CC, VC) trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công (viết tắt: TTHC, DVHCC) về đất đai, xây dựng và đầu tư kinh doanh tại Sở Tài nguyên và Môi trường (viết tắt: Sở TNMT) và UBND thành phố Thuận An (thời kỳ thanh tra từ 15/07/2021 đến 30/11/2023); Đoàn Thanh tra đã tiến hành công bố quyết định thanh tra từ ngày 19/01/2024 và tiến hành làm việc trực tiếp tại Sở TNMT từ ngày 23/01/2024 đến ngày 04/4/2024.

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 106/BC-ĐTTr ngày 19/9/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra về kết quả thanh tra trách nhiệm PCTN việc thực hiện công vụ của CB, CC, VC trong giải quyết TTHC, DVHCC về đất đai tại Sở TNMT; Báo cáo số /BC-TTĐ ngày /10/2024 của Tổ thẩm định về thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra; Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Sở TNMT là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; chất thải rắn; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ và các dịch vụ công về TNMT theo quy định của pháp luật.

Theo Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về việc công bố TTHC chuẩn hóa lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TNMT/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã tỉnh Bình Dương, tổng số bộ TTHC trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở TNMT tại thời điểm thanh tra là **37 bộ TTHC**, gồm: 12 bộ TTHC do Chi cục Quản lý đất đai (viết tắt: CCQLĐĐ) giải quyết¹, 25 bộ TTHC do Văn phòng Đăng ký đất đai (viết tắt: VPĐKĐĐ) giải quyết; trong đó: 08/37 bộ TTHC thực hiện trực tuyến toàn trình, 29/37 bộ TTHC thực hiện trực tuyến một phần; 23/37 bộ TTHC liên thông với các đơn vị ngoài (Phụ lục I).

Ngoài ra, VPĐKĐĐ còn thực hiện 05 bộ TTHC thuộc lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp (theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh).

Về nhân sự thực hiện nhiệm vụ giải quyết TTHC, DVHCC cho người dân, doanh nghiệp liên quan lĩnh vực đất đai tại Sở TNMT được thực hiện tại 02 đơn vị

¹ Trong đó có 01 bộ TTHC do CCQLĐĐ hoặc Chi nhánh VPĐKĐĐ cấp huyện giải quyết tùy theo đối tượng

trực thuộc và Bộ phận Một cửa của Sở, gồm: **CCQLDD** có 21 công chức, 03 viên chức, 10 người lao động; **VPĐKĐĐ** (gồm: *VPĐKĐĐ tỉnh và 09 Chi nhánh VPĐKĐĐ tại 09 đơn vị cấp huyện*) có 54 viên chức và 718 người lao động; **Bộ phận Một cửa** (gồm: *Trưởng Bộ phận Một cửa là Phó Chánh Văn phòng Sở, 02 nhân sự chính thức và 02 nhân sự dự phòng thuộc CCQLDD và VPĐKĐĐ tỉnh*). Trong đó, nhân lực tham gia trực tiếp trong quá trình giải quyết TTHC và cung cấp DVHCC tại các đơn vị trên gồm: 21 công chức, 57 viên chức, 197 người lao động (về số lượng người lao động này là nhân viên hợp đồng, làm việc tại bộ phận Đăng ký và cấp GCNQSDĐ tại VPĐKĐĐ tỉnh và 9 chi nhánh); ngoài ra còn có 261 hợp đồng lao động thuộc VPĐKĐĐ tỉnh và 09 chi nhánh, làm việc tại bộ phận Kỹ thuật đo đạc và bản đồ, thực hiện cung cấp dịch vụ đo đạc bản đồ địa chính (*đây là hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập, không có TTHC*).

II. KẾT QUẢ THANH TRA

1. Về trách nhiệm quản lý nhà nước về việc thực hiện TTHC, cung cấp DVHCC cho cá nhân, tổ chức

1.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước, của đơn vị về trách nhiệm công vụ của CB, CC, VC trong giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC cho cá nhân, tổ chức

Trong kỳ thanh tra, đơn vị đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện khá tốt lĩnh vực cải cách hành chính (*viết tắt: CCHC*) theo yêu cầu, nhiệm vụ, cụ thể như: ban hành các Văn bản triển khai công tác CCHC, giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC theo chủ trương của cấp trên, yêu cầu chung của ngành²; ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và triển khai thực hiện Bộ phận Một cửa của Sở, chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Hằng năm, đã xây dựng các Kế hoạch CCHC, Kế hoạch cải cách, kiểm soát TTHC; tổ chức thực hiện và báo cáo định kỳ việc thực hiện theo quy định.

Ngoài ra, đơn vị cũng đã lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước, của đơn vị về công tác PCTN, trách nhiệm công vụ của CB, CC, VC trong giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC như: Tuyên truyền triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo³ về trách nhiệm công vụ của CB, CC, VC về CCHC, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ; xây dựng Kế hoạch PCTN hằng năm; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực về công khai minh bạch trong tổ chức và hoạt động, thực hiện quy tắc ứng xử, xây dựng và thực hiện các chế độ định mức, tiêu chuẩn, kê khai tài sản, thu nhập...; ban hành nhiều Văn bản⁴ triển khai thực hiện và đôn đốc, nhắc nhở nhằm nâng cao trách nhiệm

² Kế hoạch số 963/KH-STNMT ngày 31/3/2022 về công tác CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của Sở TNMT và Đề án 5375/ĐA-STNMT ngày 07/12/2023 về “Nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường”; Văn bản số 3617/STNMT-VP ngày 06/10/2022 về triển khai Quyết định số 766/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử...

³ Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh về “tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước”.

⁴ Văn bản số 2537/STNMT-VP ngày 02/07/2021 về thực hiện các nhiệm vụ về cung cấp DVC trực tuyến và cơ chế một cửa; Công văn số 1809/STNMT-VP ngày 01/06/2022 về rà soát các TTHC thực

công vụ của CB, CC, VC, người lao động trong hoạt động giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC. Tuy nhiên, qua kiểm tra nhận thấy nội dung Đề án 5375/ĐA-STNMT ngày 07/12/2023 của Sở TNMT về “Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực TNMT”⁵ còn mang tính chung chung, nội dung tổ chức thực hiện nêu các giải pháp thực hiện nhưng chưa cụ thể, chưa phù hợp với tình hình thực tế và chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mà địa phương đặt ra.

1.2. Việc thực hiện công bố, công khai, kiểm soát TTHC

1.2.1. Về công bố, công khai TTHC

Giai đoạn từ tháng 07/2021 đến tháng 12/2023, đơn vị đã trình UBND tỉnh phê duyệt 10 Quyết định về công bố TTHC⁶ trong lĩnh vực đất đai. Các TTHC sau khi được UBND tỉnh công bố, Sở đã thực hiện công khai tại Bộ phận một cửa, Cổng Thông tin điện tử của Sở, Cơ sở dữ liệu quốc gia - Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định tại Điều 11 Luật PCTN năm 2018, Điều 17 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/06/2010 về kiểm soát TTHC, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VP-CP ngày 31/10/2017 về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC. Tuy nhiên, quá trình cập nhật công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, đơn vị chưa rà soát kỹ dẫn đến bị dôi dư 45 TTHC về đất đai đã hết hiệu lực (UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1043/UBND-NC ngày 08/3/2024 đề nghị xem xét hỗ trợ xóa TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC). Bên cạnh đó, một số hồ sơ đơn vị tham mưu công bố TTHC còn chậm so với yêu cầu, nhiệm vụ⁷, là thực hiện chưa kịp thời theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về Hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC.

1.2.2. Kết quả xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo Kế hoạch của UBND tỉnh

Về quy trình ISO trong giải quyết TTHC, Sở đã phối hợp kịp thời để xây dựng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC quy trình thực hiện, đảm bảo việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. Tuy nhiên, đến thời điểm thanh tra, Sở TNMT chưa

hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 và thời gian giải quyết hồ sơ; Văn bản số 19/STNMT-VP ngày 03/1/2023 về số hóa kết quả giải quyết TTHC; Kế hoạch số 4138/KH-STNMT ngày 27/9/2023 của Sở TNMT về hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Sở TNMT; Công văn số 4620/STNMT-VP ngày 26/10/2023 về chấn chỉnh, khắc phục ngay các nội dung liên quan kết luận kiểm tra CCHC năm 2023 tại Sở; Công văn số 4897/STNMT-VP ngày 13/11/2023 về triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm cuối năm về công tác cải cách TTHC và chuyển đổi số; Văn bản 4898/STNMT-VP ngày 13/11/2023 về triển khai Kế hoạch số 200/KH-BCĐ của Ban chỉ đạo CCHC - chuyển đổi số - đề án 06- thành phố thông minh...;

⁵ Thực hiện Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Quyết định 3109/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh)

⁶ Quyết định: 2879/QĐ-UBND ngày 14/12/2021; Quyết định: 934/QĐ-UBND ngày 19/4/2022; Quyết định: 2066/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; Quyết định: 3018/QĐ-UBND ngày 21/11/2022; Quyết định: 1180/QĐ-UBND ngày 16/5/2023; Quyết định: 1611/QĐ-UBND ngày 23/6/2023; Quyết định: 2253/QĐ-UBND ngày 06/9/2023; Quyết định: 2776/QĐ-UBND ngày 26/10/2023; Quyết định: 3025/QĐ-UBND ngày 17/11/2023; Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh

⁷ Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh về việc công bố TTHC...: Tờ trình số 307/TTr-STNMT ngày 10/11/2021; Quyết định số 1686/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của Bộ TNMT về việc công bố TTHC ...; Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh về công bố TTHC chuẩn hóa : Tờ trình số 90/TTr-STNMT ngày 15/3/2022 về công bố TTHC chuẩn hóa...; Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ TNMT về việc công bố TTHC...; Quyết định số 88/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ TNMT về việc công bố TTHC ...

hoàn thiện xong quy trình nội bộ của Sở và chưa tham mưu quy trình nội bộ giải quyết TTHC của Ngành TNMT đối với cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh.

1.2.3. Về kiểm soát, hoàn thiện TTHC

Trong thời kì thanh tra, đơn vị đã thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết 04 TTHC⁸ lĩnh vực đất đai và báo cáo các bất cập trong giải quyết đối với các TTHC đất đai do khó khăn trong xác định giá đất⁹. Về công tác thể chế, trong kì thanh tra, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành đảm bảo quy trình đối với 14 văn bản Quy phạm pháp luật, trong đó có 01 văn bản có chứa đựng quy phạm TTHC (*Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 15/5/2023*). Tuy nhiên, hằng năm công tác triển khai thực hiện kiểm soát, hoàn thiện TTHC, Sở thực hiện chưa đầy đủ và chưa đạt yêu cầu theo Kế hoạch kiểm soát TTHC của UBND tỉnh.

1.3 Việc tổ chức vận hành Bộ phận Một cửa và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

1.3.1 Việc tổ chức, vận hành Bộ phận Một cửa

Bộ phận Một cửa của Sở TNMT được thành lập theo Đề án của UBND tỉnh¹⁰, đặt tại Quầy 34, 35, 36, Tầng 1, Tháp A - Trung tâm Hành chính tỉnh (quầy 35, 36 được bố trí 2 nhân sự thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giao dịch bảo đảm). Quá trình tổ chức triển khai vận hành, Sở đã kiện toàn nhân sự thực hiện tại Bộ phận Một cửa với cơ cấu: 01 Trưởng Bộ phận một cửa là Phó Chánh Văn phòng Sở, 03 nhân sự chính thức và 03 nhân sự dự phòng (*lĩnh vực đất đai có 02 nhân sự chính thức và 02 nhân sự dự phòng*) được phân bổ đúng với tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ và trình độ đào tạo theo yêu cầu tại Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 và hướng dẫn tại Công văn số 564/VPUB-HCC ngày 26/4/2019.

Việc vận hành Bộ phận Một cửa đồng bộ, đảm bảo theo quy định, có ban hành nội quy, quy chế làm việc, quy chế phối hợp, thực hiện báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định, bố trí nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác tiếp người dân, tổ chức, doanh nghiệp, tác phong làm việc đúng mực, trang phục chỉnh chu... Tuy nhiên, nhân sự phụ trách trực tại Bộ phận Một cửa còn tình trạng đi trễ so với thời gian làm việc quy định, là chưa đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy chế Văn

⁸ 04 TTHC: Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (mã TTHC 1.005398); Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào GCN đã cấp (mã TTHC 2.000976); Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (mã TTHC 1.004193); Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (mã TTHC 2.001938).

⁹ 05 TTHC: Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất... (mã TTHC 1.002054); Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình... (mã TTHC 1.002253); Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình... (mã TTHC 1.002040); Chuyên mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức (mã TTHC 1.004357); Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế (hoặc ngoài khu, cụm công nghiệp) (mã TTHC 1.001990).

¹⁰ Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bình Dương; Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổ chức Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Sở TNMT và Quyết định số 232/QĐ-STNMT ngày 02/3/2020 của Sở TNMT về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa theo cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông” tại Sở TNMT.

hóa công vụ ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 và Điều 5 Quy chế phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bình Dương (ban hành kèm theo Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh).

1.3.2. Kết quả số hóa hồ sơ của Sở TNMT

Kết quả số hóa hồ sơ của đơn vị trong giai đoạn từ 01/01/2023 - 30/11/2023¹¹, tổng số hồ sơ đã thực hiện số hóa 2.736/2.738, đạt tỷ lệ 99,9%; tại thời điểm thanh tra, việc thực hiện số hóa đã đạt tỉ lệ 100%. Tuy nhiên, Sở chưa nêu rõ kết quả thực hiện số hóa hồ sơ đối với những hồ sơ TTHC giai đoạn trước năm 2023 còn hiệu lực theo quy định của UBND tỉnh¹² và Kế hoạch của Sở¹³.

1.3.3. Quy chế phối hợp trong giải quyết TTHC

Đối với cấp tỉnh, tiếp tục thực hiện Quy chế phối hợp trong việc thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận theo Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; Quy định về hồ sơ và trình tự thủ tục, tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất theo Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 14/9/2016, Quyết định số 3161/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; Quy định phương thức trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của cá nhân, hộ gia đình giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 08/12/2015; việc phối hợp giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh Bình Dương về việc tăng cường thực hiện các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 và phối hợp Bưu điện tỉnh ban hành Quy chế tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC Sở theo Quy chế số 1026/QC-STNMT-BĐBD ngày 23/3/2021.

Đến nay, việc ứng dụng liên thông thuế điện tử giữa cơ quan Thuế với các cơ quan VPĐKĐĐ từng bước hoàn thiện, nâng cao tính chủ động, phối hợp, tránh trường hợp thất lạc hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết (rút ngắn được thời gian thực hiện từ 01 đến 03 ngày làm việc so với quy định là 05 ngày). Đối với cấp huyện, thực hiện Quy chế phối hợp với các phòng, ban chuyên môn cấp huyện và UBND cấp xã trong việc phối hợp giải quyết các TTHC về đất đai trên địa bàn.

1.4. Kết quả việc thực hiện giải pháp PCTN và kiểm tra, nâng cao trách nhiệm công vụ của CB, CC, VC trong giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC

1.4.1. Việc chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng

Qua thanh tra, nhận thấy đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện chuyển đổi vị trí công tác; góp phần phòng ngừa tiêu cực, nhũng nhiễu trong quá trình thực thi nhiệm vụ; CC, VC được chuyển đổi cơ bản đáp ứng nhiệm vụ, yêu cầu của công

¹¹ Thực hiện theo Công văn số 6852/UBND-HCC ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh về việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính (triển khai từ ngày 01/01/2023).

¹² Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; số hóa hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

¹³ Kế hoạch số 1889/KH-STNMT ngày 07/6/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; số hóa hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2021 - 2025.

việc. Hằng năm, đơn vị đều ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác¹⁴, thực hiện công khai Kế hoạch chuyển đổi theo quy định. Kết quả đã chuyển đổi theo kế hoạch 37 trường hợp, bộ phận một cửa chuyển đổi 14 trường hợp; đối với người lao động 594 trường hợp. Tuy nhiên, việc thực hiện Kế hoạch chuyển đổi có phần chưa triệt để, còn một số cá nhân chưa thực hiện chuyển đổi, dù không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 38 Nghị định 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ (trường hợp chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác). Theo báo cáo của đơn vị, sau khi chuyển đổi, đơn vị đã cử CCVC tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do tỉnh tổ chức, giúp CCVC được chuyển đổi kịp thời cập nhật kỹ năng, kiến thức phục vụ công tác chuyên môn mới tiếp nhận. Hằng năm, CCVC được chuyển đổi đều được nhận xét hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng được yêu cầu công việc được giao.

1.4.2. Kết quả thực hiện thanh tra, kiểm tra trong giải quyết

Năm 2022, UBND tỉnh đã kiểm tra về cải cách, kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông¹⁵ trực tiếp kiểm tra tại đơn vị và có thông báo kết luận một số vấn đề còn tồn tại, hạn chế của Sở TNMT¹⁶.

Những tồn tại này, Sở TNMT cơ bản đã khắc phục trong năm 2023: kịp thời xử lý PAKN của người dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia; đảm bảo hồ sơ giải quyết thực tế và hồ sơ trên phần mềm một cửa được giải quyết đúng hạn.

Thực hiện Kế hoạch thanh tra năm 2023, Sở TNMT đã tiến hành thực hiện thanh tra trách nhiệm công vụ của CB, CC, VC đối với VPĐKĐĐ tỉnh và Chi cục Bảo vệ môi trường, hiện chưa ban hành kết luận thanh tra.

Việc đánh giá nhân sự làm việc tại Bộ phận một cửa được thực hiện định kỳ theo hướng dẫn và chỉ đạo của Văn phòng UBND tỉnh. Trong kỳ thanh tra, Sở đã thực hiện đánh giá đối với 10 công chức tại Bộ phận một cửa, kết quả công chức hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có CC, VC bị xử lý kỷ luật trong việc giải quyết TTHC. Tuy nhiên, Sở chưa ban hành kế hoạch thực hiện kiểm

¹⁴ Kế hoạch số 5459/KH-STNMT ngày 11/12/2020 về chuyển đổi vị trí công tác năm 2021; Kế hoạch số 1508/KH-STNMT ngày 11/5/2022 về chuyển đổi vị trí công tác năm 2022; Kế hoạch số 939/KH-STNMT ngày 21/3/2023 về chuyển đổi vị trí công tác năm 2023.

¹⁵ Kế hoạch số 2113/KH-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh về kiểm tra hoạt động cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn Kiểm tra hoạt động cải cách TTHC, kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Thông báo số 119/TB-ĐKT ngày 19/01/2023 của Đoàn Kiểm tra về Kết quả kiểm tra hoạt động cải cách TTHC, kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2022 tại Sở TNMT.

¹⁶ - Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thực tế cơ bản được đảm bảo, tuy nhiên, vẫn còn tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hạn trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử trong năm 2021 và năm 2022. Trong năm 2023, việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đã được khắc phục, đảm bảo hồ sơ giải quyết đúng hạn.

- Nhân sự tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Sở trong năm 2022, 2023 đôi lúc chưa đảm bảo thời gian trực tại Trung tâm Hành chính công tỉnh theo quy định.

- Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của người dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022 còn chậm, chưa kịp thời; năm 2023, đơn vị đã kịp thời xử lý PAKN.

tra, đánh giá công tác giải quyết TTHC hoặc thực hiện lồng ghép vào Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC định kỳ tại các đơn vị trực thuộc.

1.4.3 Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN)

Trong kỳ thanh tra, tổng số PAKN trong lĩnh vực đất đai do của Sở TNMT tiếp nhận giải quyết như sau:

- Tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công Quốc gia là **21** vụ việc, trong đó giải quyết đúng hạn **18** vụ việc; giải quyết trễ hạn **03** vụ việc, trong đó có 02 vụ việc quá hạn do Sở TNMT tiếp nhận nhằm PAKN thuộc thẩm quyền của cơ quan khác giải quyết trên Hệ thống, nhưng Hệ thống không có chức năng chuyển trả lại. Qua kiểm tra, nhận thấy việc giải quyết PAKN trên Cổng dịch vụ công Quốc gia của Sở TNMT đảm bảo theo quy định.

- Tiếp nhận qua tổng đài 1022 của tỉnh là **81** vụ việc, gồm: **26** vụ việc trả lời đúng hạn, **55** vụ việc trả lời trễ hạn. Nguyên nhân trễ hạn là do một số vụ việc PAKN trong thời gian bùng phát dịch Covid-19; một số vụ việc do lỗi hệ thống nên chậm phản hồi cho người dân; một số hồ sơ cần nhiều thời gian hơn để xác minh và có văn bản phúc đáp cho người dân, dẫn đến trễ hạn trên hệ thống. Qua kiểm tra, nội dung PAKN của người dân đối với Sở TNMT chủ yếu liên quan đến việc hỏi đáp để được hướng dẫn việc thực hiện TTHC, các quy định pháp luật trong lĩnh vực đất đai (*63 vụ việc*); chậm giải quyết và trả kết quả hồ sơ, chậm cấp GCNQSDĐ và bàn giao đất (*18 vụ việc*); không có nội dung PAKN liên quan đến thái độ phục vụ người dân và doanh nghiệp.

2. Đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, DVHCC

2.1 Đánh giá năng suất trung bình CC, VC, NLD; giảm thời gian chờ đợi của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC

Theo báo cáo của Sở, năm 2022 năng suất trung bình tiếp nhận hồ sơ là 1.059 hồ sơ/người (02 người của CCQLĐĐ) và 1.677 hồ sơ/người (02 người của VPĐKĐĐ); năm 2023 năng suất trung bình tiếp nhận hồ sơ là 1.736 hồ sơ/người (trong đó Văn phòng Đăng ký đất đai bố trí 02 nhân sự tiếp nhận 1.700 hồ sơ). Theo quy định, năng suất trung bình của một nhân sự tối thiểu là 1.600 hồ sơ/năm nhưng Sở có nhiều chuyên ngành khác nhau, có nội dung phức tạp nên việc bố trí nhân sự là phù hợp.

Sở bố trí đầy đủ nhân sự trực tại quầy, kịp thời hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; người dân, doanh nghiệp không mất nhiều thời gian chờ đợi đến lượt giải quyết hồ sơ (hồ sơ tập trung chủ yếu phát sinh nhiều ở Chi nhánh VPĐKĐĐ cấp huyện - Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện). Đồng thời, đơn vị cũng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. Nhân sự Bộ phận Một cửa và đội ngũ tình nguyện viên tại Trung tâm Hành chính công thực hiện hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tạo tài khoản và thực hiện thao tác đăng ký DVC trực tuyến, nhờ đó việc hướng dẫn chỉ mất thời gian ban đầu để hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, những lần tiếp theo không cần đến Trung tâm để nộp hồ sơ trực tiếp; từng bước góp phần thay đổi thói quen của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động yêu cầu cung cấp DVHCC.

2.2 Kết quả đo lường, đánh giá hài lòng của người dân, doanh nghiệp về việc thực hiện TTHC

- Kết quả đo lường sự hài lòng (SIPAS) đối với Sở TNMT năm 2021, 2022:

Theo kết quả khảo sát, Sở TNMT có kết quả SIPAS tốt, kết quả năm 2022 (89,22%) có giảm so với năm 2021 (91,05%) nhưng không đáng kể. VPĐKĐĐ có kết quả năm 2022 (91,13%) tăng so với năm 2021 (84,9%). Kết quả trung bình của 09 Chi nhánh VPĐKĐĐ cấp huyện năm 2022 (80,57%) giảm so với năm 2021 (93%). Tuy nhiên, kết quả yếu tố “TTHC” có xu hướng hài lòng thấp ở Sở TNMT và VPĐKĐĐ tỉnh.

Ngoài ra, kết quả khảo sát tại các phiếu Điều tra xã hội học ghi nhận các phản ánh về một số vấn đề về giải quyết TTHC: Đi lại nhiều lần để hoàn thiện hồ sơ; thời gian giải quyết kéo dài; không muốn sử dụng dịch vụ bưu chính công ích vì sợ không đảm bảo an toàn, thất lạc hồ sơ; phản ánh phải chi thêm chi phí không chính thức ngoài các khoản phí, lệ phí theo quy định khi thực hiện TTHC tại Chi nhánh VPĐKĐĐ cấp huyện. Tuy nhiên, Sở TNMT chưa kịp thời ban hành Văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện rà soát, chấn chỉnh và khắc phục vấn đề trên.

- Đánh giá của doanh nghiệp thông qua điều tra, khảo sát PCI:

Theo đánh giá của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về vấn đề tiếp cận đất đai trên địa bàn tỉnh Bình Dương của doanh nghiệp trong năm 2021 và 2022 có kết quả lần lượt là 7,21 và 7,26 điểm. Trong năm 2022, có 06/14 tiêu chí thành phần của tiêu chí Tiếp cận đất đai có kết quả kém hơn năm 2021, cụ thể như sau: Tỷ lệ doanh nghiệp tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (26%, năm 2021 là 41%) Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (67%, năm 2021 là 80%); Doanh nghiệp không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (27%, năm 2021 là 49%); Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (29%, năm 2021 là 26%); Tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không được giải quyết do TTHC rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (21%, năm 2021 là 8%); Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (33%, năm 2021 là 23%).

08 tiêu chí thành phần còn lại có kết quả cải thiện hơn so với năm 2021, trong đó có một số tiêu chí thành phần có cải thiện: Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (3% - thấp thứ 3 cả nước, năm 2021 là 16%); Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các TTHC về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (86%, năm 2021 là 19%); Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/ hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các TTHC về đất đai (29%, năm 2021 là 69%). Tuy nhiên, Sở TNMT chưa kịp thời xây dựng kế hoạch phân tích, đánh giá, chấn chỉnh và khắc phục những tồn tại, hạn chế và đề ra giải pháp cải thiện trong thời gian tới.

3. Kết quả thanh tra việc giải quyết TTHC của đơn vị

3.1. Tình hình tiếp nhận giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC (Chi tiết theo Phụ lục I)

Trong kỳ thanh tra, theo báo cáo của Sở TNMT tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận là **560.811 hồ sơ** (CCQLĐĐ: 363 hồ sơ; VPĐKĐĐ tỉnh: 4.220 hồ sơ; 09 Chi nhánh VPĐKĐĐ cấp huyện: 556.228 hồ sơ), trong đó có 864 hồ sơ trễ hạn/560.811 hồ sơ (căn cứ xác định đúng/trễ hạn theo phần mềm quản lý), chiếm tỉ lệ 0,15%.

Tổng số hồ sơ tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa Sở TNMT tại Trung tâm Hành chính công tỉnh là **4.583 hồ sơ** (4.349 hồ sơ đúng hạn và 234 hồ sơ trễ hạn): CCQLĐĐ giải quyết gồm 363 hồ sơ (336 hồ sơ đúng hạn, 27 hồ sơ trễ hạn, phát sinh đối với 06/13 bộ TTHC thuộc CCQLĐĐ tham mưu giải quyết); VPĐKĐĐ tỉnh giải quyết là 4.220 hồ sơ (4.013 hồ sơ đúng hạn, 207 hồ sơ trễ hạn, phát sinh đối với 13/21 bộ TTHC thuộc VPĐKĐĐ tỉnh tham mưu giải quyết).

3.2. Kiểm tra trách nhiệm công vụ của CB, CC, VC trong việc giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC cho cá nhân, tổ chức thông qua việc lựa chọn kiểm tra hồ sơ giải quyết TTHC

3.2.1. Kiểm tra hồ sơ TTHC thuộc Sở TNMT giải quyết, tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa của Sở

Đối với hồ sơ do Chi cục Quản lý đất đai tham mưu giải quyết: Tiến hành kiểm tra **27/27** hồ sơ trễ hạn thuộc 05 TTHC (kết quả cụ thể đính kèm theo Phụ lục 2) và chọn ngẫu nhiên **64/336** hồ sơ đúng hạn thuộc 04 bộ TTHC (kết quả cụ thể đính kèm Phụ lục 3).

Đối với hồ sơ do VPĐKĐĐ tỉnh tham mưu giải quyết: Tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên **92/207** hồ sơ trễ hạn phát sinh tại 03 bộ TTHC (kết quả cụ thể đính kèm theo Phụ lục 4) và **20/4.013** hồ sơ đúng hạn (kết quả cụ thể đính kèm theo Phụ lục 5).

Qua kiểm tra hồ sơ giải quyết TTHC về đất đai, nhận thấy việc giải quyết hồ sơ TTHC của đơn vị còn một số hạn chế, thiếu sót như sau:

- Việc phân loại, thống kê xác định hồ sơ đúng hạn, trễ hạn của đơn vị còn chưa đảm bảo tính khách quan, chính xác:

- + CCQLĐĐ: kiểm tra 27 hồ sơ thống kê trễ hạn có 07 hồ sơ thực hiện đúng hạn; kiểm tra 64 hồ sơ thống kê đúng hạn chỉ có 30/64 hồ sơ thực hiện đúng hạn, còn lại 10/64 hồ sơ thực hiện trễ hạn và 24/64 hồ sơ trả không giải quyết đề nghị hoàn thiện hồ sơ, tuy nhiên thời gian thực hiện trả hồ sơ còn trễ, vượt quá quy định trả hồ sơ trong thời gian 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

- + VPĐKĐĐ tỉnh: kiểm tra 92 hồ sơ thống kê trễ hạn có 08 hồ sơ thực hiện đúng hạn, 12 hồ sơ trả không giải quyết nhưng vẫn trễ hạn trả hồ sơ so với quy định; kiểm tra 20 hồ sơ thống kê đúng hạn có 04 hồ sơ có thời gian hẹn trả không phù hợp thời gian quy định giải quyết TTHC.

- Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả của các hồ sơ kiểm tra: phần lớn không có ký tên người nộp hồ sơ và người tiếp nhận; nhiều hồ sơ không lưu Giấy tiếp nhận, là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 10 và Phụ lục Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.

- Tỷ lệ hủy/ trả hồ sơ và trả nộp hồ sơ nhiều lần trong giải quyết 01 TTHC còn cao (trong đó có 36 hồ sơ trả không giải quyết nhưng vẫn bị trễ hạn trả hồ sơ so với quy định), là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 11, khoản 4, khoản 8 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

- Thành phần hồ sơ trên Giấy tiếp nhận hồ sơ thể hiện dư/ thiếu so với yêu cầu về thành phần hồ sơ của bộ TTHC đang giải quyết theo quy định, là thực hiện giải quyết TTHC chưa đảm bảo theo quy định về thành phần hồ sơ của loại TTHC đó.

- Phần lớn hồ sơ trễ hạn, thành phần hồ sơ không có Thư xin lỗi (trường hợp có Thư xin lỗi thì nội dung văn bản không có thời gian hẹn trả lại hồ sơ), là chưa đảm

bảo theo quy định tại khoản 9 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 9 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ

- Một số hồ sơ có tình trạng được tiếp nhận trước (*hồ sơ có Phiếu nhận tạm hoặc đóng dấu Văn bản đến ghi thời gian không khớp với thời gian trên Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả; Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả không có chữ ký của người nộp hồ sơ; 03 hồ sơ thuộc TTHC Đăng ký cấp GCNQSDĐ, người tiếp nhận hồ sơ ghi ngày tháng tiếp nhận trên “Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ, QSH tài sản...” (mẫu 04a/ĐK) trước so với ngày tháng trên Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả”, 07 hồ sơ không ghi ngày tháng tiếp nhận...)*, là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 2 Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh.

- 18 hồ sơ giải quyết trễ hạn nhưng tự kết thúc hoàn thành trước trên phần mềm, là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 6 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Một số loại TTHC quy định nhiều mốc thời hạn giải quyết khác nhau (tùy vào điều kiện hoàn cảnh) thì thời gian hẹn trả cấu hình trên phần mềm ở mốc thời hạn tối đa¹⁷, các cơ quan áp dụng thời hạn tối đa hẹn trả kết quả, điều này dẫn đến thời gian giải quyết TTHC không đảm bảo theo quy định pháp luật về giải quyết TTHC đó.

- Loại TTHC “Giao đất, cho thuê đất...”, mã 1.002040: yêu cầu kết thúc hồ sơ phải tổ chức bàn giao trên thực địa, tuy nhiên còn tồn tại các hồ sơ được kết thúc trên phần mềm nhưng chưa tổ chức bàn giao đất trên thực địa, là chưa đúng trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 3705/QĐ-UBND 29/12/2023 của UBND tỉnh.

3.2.2 Kiểm tra hồ sơ giải quyết TTHC liên quan việc cấp GCNQSDĐ lần đầu cấp huyện (ghi nhận từ kết quả thanh tra tại Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Thuận An và Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Phú Giáo):

Tất cả hồ sơ được kiểm tra thuộc Mã TTHC 1.011616 “Đăng ký và cấp GCNQSDĐ lần đầu cấp huyện” đều chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục: Các hồ sơ đều được UBND cấp xã lấy ý kiến xác nhận hiện trạng sử dụng đất, đo đạc, xác nhận ranh giới, nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất, niêm yết công khai và họp lấy ý kiến dân cư... (Bước 3), rồi mới nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện (Bước 1), là thực hiện chưa đúng trình tự quy định tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương.

3.2.3 Kiểm tra hồ sơ giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm¹⁸ (thuộc phạm vi chức năng quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp, trách nhiệm thực hiện giải quyết là VPĐKĐĐ):

¹⁷ Như loại TTHC quy định 20 ngày làm việc trong điều kiện bình thường, 30 ngày đối với vùng sâu vùng xa thì cơ quan giải quyết theo mốc tối đa 30 ngày làm việc; loại TTHC giao dịch bảo đảm có thời gian giải quyết *trong ngày làm việc*, nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành *trong ngày tiếp theo*; trường hợp có lý do chính đáng, thời hạn giải quyết *không quá 03 ngày làm việc*, thì cơ quan giải quyết theo mốc tối đa 03 ngày làm việc.

¹⁸ 05 bộ TTHC: Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất; Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định 99/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh thì thời hạn giải quyết TTHC đối với lĩnh vực giao dịch bảo đảm là *trong ngày làm việc* nhận được hồ sơ hợp lệ, nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký *trong ngày tiếp theo*; trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, thì thời hạn giải quyết *không quá 03 ngày làm việc*, trong trường hợp này cơ quan đăng ký phải có thông báo nêu rõ lý do cho người yêu cầu đăng ký *bằng bản giấy, văn bản điện tử, phiếu biên nhận hồ sơ hoặc bằng hình thức khác phù hợp*.

Kiểm tra ngẫu nhiên một số hồ sơ TTHC này do VPĐKĐĐ tỉnh và các Chi nhánh VPĐKĐĐ cấp huyện thực hiện nhận thấy: Thời hạn giải quyết loại TTHC này trên phần mềm Hệ thống giải quyết TTHC thể hiện là *03 ngày làm việc* (mặc định theo hệ thống), theo đó kết quả giải quyết của các đơn vị như sau:

- Đối với các Chi nhánh VPĐKĐĐ cấp huyện thực hiện cơ bản đúng về thời hạn giải quyết loại TTHC này trong thời hạn 01 ngày. Tại các “*Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả*” được in ra với thời gian hẹn trả là 3 ngày làm việc (theo thiết lập hệ thống), sẽ được nhân sự Bộ phận Một cửa điều chỉnh lại ngày hẹn trả là 01 ngày làm việc.

- Đối với VPĐKĐĐ tỉnh có thời gian xử lý giải quyết hồ sơ chủ yếu trong thời gian 1-2 ngày làm việc, và áp dụng thời gian hẹn trả là 3 ngày làm việc (*các “Phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả” được in ra với thời gian hẹn trả là 3 ngày làm việc, không được điều chỉnh lại ngày hẹn trả 1 ngày làm việc như cách làm của các Chi nhánh VPĐKĐĐ cấp huyện*) và không có Văn bản thông báo lý do hẹn trả kết quả phải kéo dài 3 ngày làm việc. Như vậy, VPĐKĐĐ tỉnh giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm chưa phù hợp về thời gian giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định 99/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh.

4. Một số khó khăn, vướng mắc trong thực hiện hồ sơ thủ tục liên quan lĩnh vực đất đai

4.1 Một số khó khăn của người dân, doanh nghiệp:

Qua rà soát công tác quản lý nhà nước về đất đai, nắm bắt ý kiến kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai, ghi nhận một số vấn đề tồn tại phát sinh thực tế trên địa bàn tỉnh như sau:

- **Việc “xác nhận tình trạng bất động sản”**: Nhu cầu của người dân đề nghị UBND xã, phường thực hiện “xác nhận tình trạng bất động sản” phát sinh trên thực tế rất nhiều, nhằm phục vụ công chứng hợp đồng giao dịch theo yêu cầu của các phòng công chứng. Tuy nhiên, việc “xác nhận tình trạng bất động sản” không được quy định là TTHC, dẫn đến tình trạng nhiều địa phương thực hiện với thành phần hồ sơ, thời gian, thu phí khác nhau (*như có địa phương giải quyết trong ngày, địa phương từ 2 - 3 ngày; có địa phương thu phí, có địa phương không thu phí; thành phần hồ sơ và quy trình khác nhau giữa các địa phương*). UBND tỉnh đã ban hành

đôi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Chuyên tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất.

Công văn số 5278/UBND-NC ngày 29/10/2020 có ý kiến như sau: *Việc thực hiện thủ tục “xác nhận tình trạng bất động sản” chưa thống nhất giữa UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp căn cứ thẩm quyền có hướng dẫn UBND cấp xã thống nhất thực hiện hoặc tham mưu UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo thực hiện theo quy định.*

Ngày 29/11/2020, Sở TNMT có Công văn số 5159/STNMT-VPĐKĐĐ kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo: UBND các xã, phường, thị trấn tiếp tục thực hiện việc xác nhận tình trạng bất động sản (để đảm bảo thực hiện quy định tại Điều 188 Luật Đất đai 2013); Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở TNMT, Sở Xây dựng nghiên cứu, đề xuất giải pháp liên thông cơ sở dữ liệu về bất động sản với cơ sở dữ liệu công chứng...

Ngày 14/9/2022, Sở Tư pháp đã có Văn bản số 1702/STP-BTTP lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường về quy định tại Điều 188 Luật Đất đai năm 2013. Sở TNMT tiếp tục có Văn bản số 3560/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 29/9/2022 phản hồi cho Sở Tư pháp với nội dung Sở TNMT đã có ý kiến vấn đề này tại Văn bản số 5159/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 29/11/2020.

Đến thời điểm thanh tra, nhận thấy vấn đề “xác nhận tình trạng bất động sản” vẫn chưa được các cơ quan tham mưu của UBND tỉnh hướng dẫn thống nhất trên địa bàn tỉnh, gây khó khăn, phiền hà nhất định cho người dân.

- **Về thành phần hồ sơ yêu cầu trong TTHC:** Việc thực hiện TTHC về đất đai cũng có nhiều quy định khác nhau, như có địa phương yêu cầu trong thành phần hồ sơ khi thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có trích lục bản vẽ (dù trước đó GCNQSDĐ mới được cấp) nhưng địa phương khác thì không yêu cầu. Hoặc khi thực hiện TTHC cấp lại (cấp phó bản Giấy chứng nhận bị mất) thì yêu cầu phải bổ sung đơn báo mất do công an cấp xã phường xác nhận nhưng theo quy định tại Quyết định 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/04/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì không quy định thành phần hồ sơ này.

- **Về thực hiện các dịch vụ đo đạc¹⁹ của VPĐKĐĐ:** VPĐKĐĐ ngoài chức năng thực hiện giải quyết TTHC về đất đai theo quy định, còn có chức năng thực hiện dịch vụ đo đạc của đơn vị sự nghiệp (không phải là giải quyết hồ sơ theo bộ TTHC). Các loại bản vẽ đo đạc địa chính được thực hiện qua dịch vụ đo đạc, là loại thành phần hồ sơ quan trọng để thực hiện giải quyết nhiều bộ TTHC về đất đai. Điều này tạo nhiều áp lực về khối lượng công việc đối với VPĐKĐĐ; đồng thời, người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết hồ sơ đất đai còn gặp khó khăn, vướng mắc nhưng cơ quan quản lý nhà nước chưa thực hiện được việc kiểm soát, theo dõi, quản lý dịch vụ đo đạc như đối với hoạt động kiểm soát, theo dõi giải quyết TTHC.

4.2 Khó khăn, vướng mắc trong giải quyết TTHC về đất đai

Theo báo cáo của đơn vị, công tác giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC về đất đai còn một số khó khăn, vướng mắc trên thực tế:

- Chức năng thanh toán trực tuyến phí, lệ phí: Chỉ thực hiện được khi người nộp tiền là cá nhân và sử dụng tài khoản cá nhân, chưa áp dụng được cho nhóm đối tượng

¹⁹ Như: Thảm định mảnh trích đo địa chính, mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý; Lập mảnh trích lục địa chính (không khảo sát); Lập mảnh trích lục địa chính (có khảo sát); Lập mảnh trích đo địa chính, mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý.

doanh nghiệp. Hạn mức thanh toán dưới 30 triệu đồng/ lần thanh toán. Do đó chưa phù hợp cho đối tượng doanh nghiệp và thanh toán thu phí lớn. Bên cạnh đó chưa có chức năng thanh toán “Nộp tiền sử dụng đất” trên phần mềm.

- Khối lượng hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất những năm gần đây tăng khá nhiều, tăng hàng năm trung bình từ 20% đến 30%, đặc biệt tại thành phố, đô thị tăng đến 40%.

- Việc xác định giá đất cụ thể còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do các tiêu chuẩn, định mức trong định giá của các Nghị định, Thông tư hướng dẫn của Trung ương còn quy định chưa cụ thể. Từ đó dẫn đến áp lực, khó khăn cho Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh phải cân nhắc, thận trọng trong việc thẩm định phương án giá đất; một số hồ sơ phải yêu cầu đơn vị tư vấn nghiên cứu giải trình, bổ sung nhiều lần gây phát sinh nhiều chi phí vượt mức phí dịch vụ tư vấn theo hợp đồng đã ký; quá trình xác định giá kéo dài, phải khảo sát nhiều lần.

Ngoài ra, qua theo dõi, tổng hợp kết quả kiểm tra, ghi nhận thực trạng chung trong lĩnh vực giải quyết TTHC về đất đai:

- Khác với việc giải quyết TTHC trong các lĩnh vực khác, việc giải quyết các TTHC trong lĩnh vực đất đai còn gặp nhiều yếu tố (như các yếu tố lịch sử để lại về xác định ranh mốc, thông tin địa chính, nguồn gốc pháp lý, quá trình sử dụng, quy hoạch sử dụng, giải quyết tranh chấp, chuyển nhượng, xác định giá đất...) làm ảnh hưởng đến trình tự, thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện, quan điểm xử lý trong quá trình giải quyết TTHC.

- Hệ thống văn bản pháp luật về đất đai phức tạp, đôi khi có tình trạng chồng chéo trong quy định, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong áp dụng và tuân thủ; đồng thời có thể tạo ra hiểu lầm và mâu thuẫn, tiềm ẩn rủi ro pháp lý trong thực hiện và trong quá trình giải quyết, xử lý các TTHC.

- Khi hoàn tất giải quyết hồ sơ trong lĩnh vực đất đai làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý về quyền sử dụng đất; nếu không chặt chẽ, không đảm bảo đầy đủ trình tự, thủ tục thì có thể phát sinh hậu quả pháp lý khó khắc phục trên thực tế, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ các bên liên quan. Vì vậy, nhiều loại TTHC về đất đai khó thực hiện rút ngắn thời gian, đơn giản hóa quy trình giải quyết.

- Nhiều TTHC yêu cầu phải có GCNQSDĐ bản gốc để đối chiếu, nên khó triển khai dịch vụ công mức toàn trình.

- Hệ thống dữ liệu thông tin đất đai chưa thông suốt, chưa kết nối chặt chẽ, chưa thuận lợi cho việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý. Công nghệ chưa được tích hợp mạnh mẽ trong quy trình giải quyết thủ tục, chưa đạt tối ưu hóa và tăng cường hiệu suất. Hệ thống lưu trữ và truyền tải dữ liệu chưa được sử dụng để tăng cường minh bạch và an toàn trong quản lý thông tin liên quan đến đất đai.

- TTHC về đất đai hiện nay thường phức tạp, đòi hỏi nhiều giấy tờ và bước xử lý, từ đó dẫn đến tình trạng trả hồ sơ nhiều lần yêu cầu hoàn thiện; hoặc tình trạng thực hiện TTHC không đúng trình tự thủ tục khi hướng dẫn, yêu cầu người nộp hồ sơ phải thực hiện trước nhiều bước trong quy trình giải quyết thủ tục, rồi mới tiếp nhận hồ sơ ở Bộ phận Một cửa (như trường hợp TTHC cấp GCNQSDĐ lần đầu), nhằm tranh thủ thời gian xử lý hồ sơ tránh bị trễ hạn.

- Quy định pháp luật hiện nay²⁰ chỉ điều chỉnh nhóm đối tượng thực hiện giải quyết TTHC là CB, CC, VC. Tuy nhiên, trên thực tế việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai được thực hiện bởi phần lớn đối tượng là người lao động hợp đồng (là đối tượng không chịu chi phối bởi Luật CB, CC, không chịu trách nhiệm ràng buộc về hoạt động công vụ, giải quyết TTHC...) tham gia và chi phối phần lớn quá trình xử lý, tham mưu nội dung giải quyết TTHC và cung cấp DVHCC.

- Công DVCQG và DVC tỉnh Bình Dương vẫn còn bị lỗi, chưa đồng bộ dẫn đến việc tiếp nhận hồ sơ bị gián đoạn, ảnh hưởng đến việc xử lý hồ sơ và xác định các chỉ số.

- Số lượng đội ngũ CB, CC, VC, NLD còn ít so với khối lượng công việc phát sinh, khó đáp ứng nhu cầu trong giải quyết TTHC.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

Nhìn chung, trong thời gian qua Sở TNMT đã triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 3109/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, đơn vị đã triển khai thực hiện cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC Nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên môi trường, triển khai thực hiện đáp ứng yêu cầu CCHC chung của Tỉnh đã đề ra, cụ thể:

- *Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện trách nhiệm công vụ của CC, VC, NLD trong giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC:* Lãnh đạo đơn vị đã quan tâm, chỉ đạo CC, VC, NLD thực hiện tốt các quy định của pháp luật trong giải quyết TTHC và cung cấp DVHCC; triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách TTHC theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh; gắn với công tác PCTN trong chỉ đạo hoạt động công vụ; triển khai thực hiện tại đơn vị các nội dung chỉ đạo của cấp trên; nỗ lực, quyết liệt triển khai tổ chức thực hiện giải quyết TTHC, DVHCC thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của đơn vị; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa, chuyển đổi số của ngành; thực hiện quy định về văn hóa công sở, nội quy, quy chế cơ quan, quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của CB, CC, VC, người lao động trong thực thi công vụ.

- *Về công bố, công khai và kiểm soát TTHC:* Đơn vị đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt 10 Quyết định công bố TTHC theo nhiệm vụ yêu cầu; tổ chức công khai bằng nhiều hình thức, theo đúng quy định pháp luật; triển khai và áp dụng quy trình Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Trong kỳ thanh tra, đơn vị cũng thường xuyên kiểm tra, rà soát TTHC

²⁰ Khoản 1 Điều 18 Nghị định 63/2010/NĐ-CP quy định “*Trách nhiệm của cơ quan thực hiện thủ tục hành chính* “1. Sử dụng, bố trí cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, văn hóa giao tiếp chuẩn mực, đủ trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực phù hợp để thực hiện thủ tục hành chính”; Khoản 1 Điều 5 Nghị định 61/2018/NĐ-CP quy định “1. Cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền...”

theo trách nhiệm quản lý nhà nước của đơn vị, theo đó đã thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết 05 TTHC lĩnh vực đất đai, báo cáo các bất cập trong giải quyết các TTHC, tham mưu UBND tỉnh ban hành 01 văn bản có chứa đựng quy phạm TTHC đúng quy trình quy định (*Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 15/5/2023*).

- *Việc tổ chức vận hành Bộ phận một cửa, một cửa liên thông, cơ chế phối hợp, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết TTHC:*

Triển khai vận hành Bộ phận một cửa đồng bộ, đảm bảo theo quy định, có ban hành nội quy, quy chế làm việc, quy chế phối hợp, thực hiện báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định, có bố trí nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác tiếp người dân, tổ chức, doanh nghiệp, tác phong làm việc đúng mực, trang phục chỉnh chu...

Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đến nay đối với lĩnh vực đất đai, tổng số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền Sở TNMT cung cấp giải quyết là 37/37 TTHC, trong đó có 08/37 bộ TTHC thực hiện trực tuyến toàn trình và 29/37 bộ TTHC thực hiện trực tuyến một phần; nỗ lực triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt 100% kết quả số hóa theo yêu cầu; tiếp tục nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính. Ứng dụng liên thông thuế điện tử giữa cơ quan Thuế với các cơ quan Văn phòng Đăng ký đất đai từng bước hoàn thiện, nâng cao tính chủ động, phối hợp, tránh trường hợp thất lạc hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết (*rút ngắn thời gian thực hiện từ 01 đến 03 ngày làm việc so với quy định là 05 ngày*).

Cơ sở dữ liệu về đất đai được chia sẻ, kết nối với Cơ sở dữ liệu về dân cư; chia sẻ dữ liệu tài nguyên môi trường (dữ liệu về đất đai, quy hoạch, giá đất, quan trắc, môi trường...) đến cộng đồng (Trang thông tin điện tử, Cổng IOC Bình Dương...)

- *Việc thực hiện các giải pháp PCTN trong giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC về đất đai:*

Thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC, DVHCC trong lĩnh vực đất đai, thường xuyên cập nhật các quy định TTHC về đất đai; các TTHC, hồ sơ, biểu mẫu sau công bố đều được cập nhật, đăng tải công khai trên Trang thông tin Hành chính công tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và niêm yết công khai tại Bộ phận một cửa, đồng bộ trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Việc chuyển đổi vị trí công tác đối với CC, VC được đơn vị triển khai thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định: thực hiện rà soát, ban hành Kế hoạch và công khai, minh bạch việc chuyển đổi vị trí; việc chuyển đổi vị trí phù hợp với chuyên môn công việc. Bên cạnh đó, Sở cũng thực hiện tốt việc chuyển đổi vị trí đối với nhóm đối tượng là người lao động, người làm việc tại bộ phận một cửa (không thuộc phạm vi điều chỉnh bắt buộc phải chuyển đổi vị trí công tác) nhằm góp phần nâng cao hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng tại đơn vị. Hằng năm, CCVC được chuyển đổi đều được nhận xét hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng được yêu cầu công việc được giao.

- *Kết quả giải quyết TTHC tại đơn vị:* Hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết của Sở TNMT trong lĩnh vực đất đai chiếm số lượng khá lớn. Các bộ phận chuyên môn của Sở đã nỗ lực giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt tỷ lệ khá cao trên 95%; trình tự, thủ tục giải quyết cơ bản đảm bảo theo quy định; đối với nhóm hồ sơ trễ hạn, chủ yếu xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan (như thời điểm dịch Covid, phần mềm mới vận hành bị lỗi, việc xác định giá đất kéo dài thời gian...).

2. Hạn chế, thiếu sót

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, Sở TNMT và các đơn vị trực thuộc vẫn còn những hạn chế, thiếu sót như sau:

2.1 Về trách nhiệm quản lý nhà nước về triển khai thực hiện TTHC, cung cấp DVHCC

- Chưa thường xuyên kiểm tra, rà soát các TTHC trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh; chưa tiến hành thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn việc giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai đối với các nội dung đã được phân cấp cho các địa phương; do đó chưa kịp thời phát hiện những bất cập về thủ tục đất đai, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định pháp luật.

- Đề án 5375/ĐA-STNMT ngày 07/12/2023 của Sở TNMT về “*Giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực TNMT*” còn mang tính chung chung, nội dung tổ chức thực hiện chưa phù hợp với tình hình thực tế và chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Việc cập nhật công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia chưa rà soát kỹ, dẫn đến cập nhật bị dôi dư 45 TTHC, phải kiến nghị điều chỉnh; một số hồ sơ tham mưu công bố TTHC còn chậm chưa đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

- Chưa hoàn thiện xong quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc Ngành tài nguyên môi trường của Sở và quy trình nội bộ đối với cấp huyện và cấp xã.

- Việc ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC hằng năm và triển khai thực hiện chưa đảm bảo theo Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Vẫn còn tồn tại một số vấn đề thực hiện không thống nhất trong quá trình thực hiện hồ sơ đất đai trên thực tế nhưng Sở TNMT chưa quan tâm, chưa thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước của đơn vị tham mưu kịp thời UBND tỉnh các biện pháp khắc phục (*UBND cấp xã xác nhận tình trạng bất động sản; thành phần hồ sơ yêu cầu nộp khác nhau giữa các địa phương*).

- Việc triển khai các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, nâng cao trách nhiệm công vụ trong giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC chưa thật sự được chú trọng: chưa đưa ra giải pháp cụ thể để rà soát, chấn chỉnh các nội dung phản ánh của người dân qua Phiếu điều tra xã hội học nhằm nâng cao kết quả đo lường sự hài lòng SIPAS; còn một vài cá nhân thuộc trường hợp định kỳ phải chuyển đổi vị trí công tác nhưng chưa thực hiện chuyển đổi theo đúng Kế hoạch chuyển đổi.

Các hạn chế, thiếu sót nêu trên có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thuộc về Giám đốc Sở TNMT, Phó Giám đốc phụ trách theo lĩnh vực và nhân sự chuyên môn được giao tham mưu thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

2.2 Kết quả giải quyết TTHC về đất đai

- Việc phân loại, thống kê xác định hồ sơ giải quyết TTHC về đất đai đúng hạn, trễ hạn của đơn vị chưa đảm bảo tính khách quan, chính xác.

- Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả của các hồ sơ kiểm tra: phần lớn không có ký tên người nộp hồ sơ và người tiếp nhận; nhiều hồ sơ không lưu Giấy tiếp nhận, là

chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 10 và Phụ lục Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.

- Tỷ lệ hủy/ trả hồ sơ và trả nộp hồ sơ nhiều lần trong giải quyết 01 TTHC còn cao (trong đó có một số hồ sơ trả không giải quyết nhưng vẫn bị trễ hạn), là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 11, khoản 4, khoản 8 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

- Thành phần hồ sơ trên Phiếu tiếp nhận thể hiện dư/ thiếu so với yêu cầu về thành phần hồ sơ của bộ TTHC đang giải quyết theo quy định, là thực hiện giải quyết TTHC chưa đảm bảo theo quy định về thành phần hồ sơ của loại TTHC đó.

- Phần lớn hồ sơ trễ hạn, thành phần hồ sơ không có Thư xin lỗi (trường hợp có Thư xin lỗi thì nội dung văn bản không có thời gian hẹn trả lại hồ sơ), là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 9 Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 9 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.

- Một số hồ sơ có tình trạng được cán bộ thụ lý tiếp nhận trước, là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Điều 17 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 2 Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh.

- Một số hồ sơ giải quyết trễ hạn nhưng tự kết thúc hoàn thành trước trên phần mềm, là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 6 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.

- Một số loại TTHC quy định thời gian giải quyết trong điều kiện bình thường và tăng thêm thời gian giải quyết trong trường hợp vùng sâu vùng xa, tuy nhiên thời gian hẹn trả được cấu hình trên phần mềm ở mức thời hạn tối đa áp dụng cho vùng sâu vùng xa²¹, vì vậy các cơ quan thực hiện áp dụng thời hạn tối đa để hẹn trả kết quả hồ sơ, dẫn đến thời gian giải quyết TTHC không đảm bảo theo quy định.

- Loại TTHC “Giao đất, cho thuê đất...”, mã 1.002040: yêu cầu kết thúc hồ sơ phải tổ chức bàn giao trên thực địa, tuy nhiên còn tồn tại các hồ sơ được kết thúc trên phần mềm nhưng chưa tổ chức bàn giao đất trên thực địa, là chưa đúng trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Quyết định số 3705/QĐ-UBND 29/12/2023 của UBND tỉnh.

- Tất cả hồ sơ được kiểm tra thuộc Mã TTHC 1.011616 “Đăng ký và cấp GCNQSDĐ lần đầu cấp huyện” đều chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục: hồ sơ được UBND cấp xã lấy ý kiến xác nhận hiện trạng sử dụng đất, đo đạc, xác nhận ranh giới, nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất, niêm yết công khai và họp lấy ý kiến dân cư... (Bước 3), rồi mới nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND huyện (Bước 1), là thực hiện chưa đúng trình tự quy định tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bình

²¹ Như loại TTHC quy định 20 ngày làm việc trong điều kiện bình thường, 30 ngày đối với vùng sâu vùng xa thì cơ quan giải quyết theo mức tối đa 30 ngày làm việc; loại TTHC giao dịch bảo đảm có thời gian giải quyết *trong ngày làm việc*, nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành *trong ngày tiếp theo*; trường hợp có lý do chính đáng, thời hạn giải quyết *không quá 03 ngày làm việc*, thì cơ quan giải quyết theo mức tối đa 03 ngày làm việc.

Dương và Quyết định 3705/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về công bố TTHC chuẩn hóa lĩnh vực đất đai.

Các hạn chế, thiếu sót nêu trên thuộc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Giám đốc Sở TNMT, Phó Giám đốc phụ trách; lãnh đạo các Bộ phận chuyên môn (Chi cục Quản lý đất đai và VPĐKĐĐ tỉnh), các nhân sự chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ giải quyết các hồ sơ TTHC tại đơn vị.

IV. BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ kết quả thanh tra và kết luận nêu trên, Chánh Thanh tra tỉnh xử lý như sau:

1. Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm theo quy định đối với các tập thể, cá nhân có liên quan đến những hạn chế, thiếu sót nêu trên; nghiêm túc chấn chỉnh các hạn chế, thiếu sót về trách nhiệm công vụ của CC, VC, NLD tại đơn vị trong quá trình giải quyết TTHC, cung cấp DVHCC về đất đai như kết quả thanh tra đã chỉ ra.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các đơn vị trực thuộc và địa phương để kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở.

- Thường xuyên rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các quy định của pháp luật và thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai mà trong quá trình thực hiện còn vướng mắc, bất cập.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc cải cách TTHC về đất đai, ứng dụng chuyển đổi số, thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu số hóa, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ. Chủ động kiến nghị, đề xuất giải pháp, kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản cải cách hành chính thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Sở, loại bỏ hoặc chỉnh sửa TTHC không phù hợp, phức tạp, phiền hà; bổ sung TTHC mới cần thiết, đáp ứng nhu cầu thực tế. Kịp thời báo cáo, thỉnh thị cấp có thẩm quyền về các khó khăn, vướng mắc để được xem xét, giải quyết.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, cập nhật các trường thông tin về đất đai kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tra cứu và thực hiện TTHC.

- Nghiêm túc quán triệt, triển khai đến các đơn vị thực thuộc thực hiện có hiệu quả Công Văn số 4449/UBND-NC ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong triển khai các nhiệm vụ CCHC, gắn việc thực hiện nhiệm vụ CCHC với công tác giải quyết TTHC cho cá nhân, doanh nghiệp; nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh. Bám sát các nhiệm vụ về cải cách TTHC theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh để kịp thời chỉ đạo, điều chỉnh và triển khai thực hiện.

- Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quy trình nội bộ giải quyết TTHC và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường/ thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của

UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh (trường hợp TTHC thuộc Sở TNMT giải quyết nhưng do Sở khác tham mưu công bố thì Sở TNMT chủ động xây dựng quy trình nội bộ và phối hợp để tham mưu UBND tỉnh ban hành theo quy định).

- Tiếp tục xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức Sở và đơn vị trực thuộc, đảm bảo theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 và triển khai thực hiện Kế hoạch đã đề ra.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm:

+ Từ kết quả ghi nhận qua khảo sát SIPAS, không để xảy ra tình trạng người dân, doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện TTHC. Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý và giải quyết hồ sơ TTHC đảm bảo đúng hạn theo quy định; tăng cường công khai, minh bạch TTHC và quy trình giải quyết TTHC; chấn chỉnh hành vi yêu cầu người dân, doanh nghiệp rút hồ sơ đã nộp khi hồ sơ đã gần trễ hạn nhưng không giải quyết; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ quá một lần; nghiêm túc thực hiện thư xin lỗi đối với người dân, doanh nghiệp khi để xảy ra hồ sơ trễ hạn (nêu rõ lý do và thời gian hẹn trả), kể cả các TTHC liên thông bị trễ hạn do các cơ quan có liên quan. Chấn chỉnh việc chấp hành nội quy, quy chế làm việc đối với nhân sự trực tại Bộ phận Một cửa của Sở, đồng thời có hình thức xử lý nghiêm, thay đổi đối với nhân sự trực tại Bộ phận Một cửa của Sở nếu thường xuyên đi trễ.

+ Chấn chỉnh, đôn đốc, nhắc nhở CB, CC, VC, người lao động nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm trong thực thi công vụ; thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ trong giải quyết TTHC đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; nghiêm túc chấn chỉnh, khắc phục triệt để việc CB, CC, VC, người lao động né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong thực thi công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tại đơn vị theo tinh thần Công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 24/CT-UBND ngày 20/10/2016 và Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 21/3/2024 của UBND tỉnh.

2. Kiến nghị UBND tỉnh:

- Tiếp tục kiến nghị Trung ương xem xét nghiên cứu bổ sung thêm biên chế công chức cho các cơ quan hành chính Bình Dương nói chung và nhân sự phục vụ giải quyết TTHC nói riêng; kiến nghị xử lý kịp thời các lỗi liên thông dẫn đến hồ sơ bị treo trên hệ thống; Tiếp tục kiến nghị rà soát, loại bỏ các chông chéo của hệ thống pháp luật về đất đai nhằm khơi thông nguồn lực phát triển địa phương.

- Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các Sở, ban, ngành và địa phương tăng cường rà soát các TTHC có phát sinh hồ sơ và đủ điều kiện triển khai toàn trình thì khẩn trương phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; chuẩn hóa thông tin TTHC (nhất là thời gian xử lý hẹn trả hồ sơ) để đồng bộ thống nhất danh mục TTHC của Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh, tuân thủ đúng thời gian theo quy định. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương:

+ Sở TNMT, các sở ngành, đơn vị có liên quan và UBND cấp huyện triển khai thực hiện tốt Luật Đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành nói chung, các quy định pháp luật về TTHC đất đai nói riêng, kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh trong việc áp dụng pháp luật và giải quyết TTHC về đất đai.

+ Sở Thông tin và Truyền thông trao đổi, phối hợp Sở TNMT điều chỉnh, cấu hình việc thanh toán phí, lệ phí TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đối với TTHC thuộc phạm vi tiếp nhận và giải quyết của ngành tài nguyên và môi trường. Đồng thời, cấu hình thống nhất thời gian giải quyết TTHC như lĩnh vực giao dịch bảo đảm là 01 ngày làm việc (trường hợp có lý do chính đáng phải kéo dài thì không quá 03 ngày làm việc thì phải được ghi nhận rõ ràng thời gian trên Hệ thống để người dân có thể theo dõi, giám sát đầy đủ).

+ Sở Tư pháp phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh việc hướng dẫn, chỉ đạo thống nhất UBND cấp xã về vấn đề “xác nhận tình trạng bất động sản” trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị Cục Thuế tỉnh phối hợp chặt chẽ với Sở TNMT để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy chế phối hợp giữa các ngành, đồng thời kịp thời có thông báo cụ thể cho người dân, doanh nghiệp về việc giải quyết hồ sơ trễ hẹn khi xác định nghĩa vụ tài chính chậm so với quy định.

Trên đây là Kết luận thanh tra trách nhiệm PCTN việc thực hiện công vụ của CB, CC, VC trong giải quyết TTHC, DVHCC về đất đai tại Sở TNMT./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh (TTHC công);
- Sở: TNMT; TTTT, Tư pháp;
- Cục Thuế;
- VP (Công TTĐT - công khai KL);
- NV3 (theo dõi sau TTr);
- Lưu: VT, hồ sơ ĐTTr.

CHÁNH THANH TRA

Đã Ký

Bùi Duy Hiền